

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 24/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Kim D, sinh năm 1960 - vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện tại: L - T - C - CH Ba Lan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim D là: Luật sư Hoàng Thị Bích Loan - văn phòng luật sư Hoàng Loan - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Đình C, sinh năm 1955 - vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện tạm trú tại: Số nhà X, ngõ Y, đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 21/01/2019 Nguyên đơn bà Triệu Thị Kim D trình bày:

Năm 1982 bà và ông Trần Đình C sau quá trình tự do tìm hiểu, tự do yêu đương đã về chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức

lễ cưới theo phong tục địa phương cho bà và ông C. Sau khi cưới xong bố mẹ chồng cho bà và ông C ra ở riêng ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 23/9/2010 thì bà và ông C mới đến Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B để đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau khi làm thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà và ông C đã xảy ra mâu thuẫn (khoảng năm 2012) và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng theo thời gian. Ban đầu chỉ là mâu thuẫn và xô xát nhỏ nhưng do thường xuyên xảy ra nên đã làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình cách của vợ chồng không hợp nhau. Năm 2016 bà đi xuất khẩu lao động tại Cộng Hòa Ba Lan và hiện nay đang lao động, sinh sống tại L - T - C - Cộng hòa Ba Lan.

Từ khi bà đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống xa nhau nên mâu thuẫn vợ chồng lại càng thêm sâu sắc, trầm trọng và tình cảm vợ chồng càng phai nhạt theo thời gian, theo khoảng cách địa lý.

Kể từ tháng 2/2016 giữa bà và ông C không còn dành tình cảm, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau như hai vợ chồng nữa. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải và hai vợ chồng cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội khắc phục nhưng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục về chung sống với nhau được. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thúy D, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1983; Trần Quốc H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1986; Trần Thúy N, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1987. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, có cuộc sống riêng và tự chăm lo cho bản thân nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay và cũng không nợ ai nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do bà đang làm việc tại cộng hòa Ba Lan, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa bà và ông C được. Vì vậy, bà đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa bà và ông C.

Bà cũng ủy quyền cho luật sư Hoàng Thị Bích Loan - Văn phòng luật sư Hoàng Loan - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho bà và thông báo lại cho bà biết.

Bị đơn ông Trần Đình C trình bày: Ông và bà Triệu Thị Kim D chung sống với nhau từ tháng 7/1982 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong vợ chồng ông được bố mẹ cho ra ở riêng ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 23/9/2010 thì ông và bà D mới đến Ủy ban nhân dân phường H để đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2012 giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do những xô xát nhỏ trong cuộc sống

hằng ngày, tính cách vợ chồng không hợp nhau. Năm 2016 bà D đi xuất khẩu lao động tại Cộng Hòa Ba Lan.

Từ khi bà D đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, do vợ chồng sống xa cách, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng đã gần như không liên lạc với nhau, có liên lạc chỉ là để trao đổi về con cái. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thúy D, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1983; Trần Quốc H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1986; Trần Thúy N, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1987. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, có cuộc sống riêng và tự chăm lo cho bản thân nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản: Ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do ông đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa bà D và ông được. Vì vậy, ông đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa bà D và ông.

Tại phiên tòa bà D và ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xác nhận, đơn đề nghị của bà D (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại cộng hòa Ba Lan); Bản tự khai của ông C, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Triệu Thị Kim D và ông Trần Đình C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà D ông C.

[2]. Về thẩm quyền: Bà Triệu Thị Kim D là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Ba Lan có đơn xin ly hôn ông Trần Đình C, ông C có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Bà Triệu Thị Kim D và ông Trần Đình C chung sống với nhau năm 1982 trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới để bà D và ông C về chung sống với nhau. Sau khi cưới xong bố mẹ chồng cho bà D và ông C ra ở riêng ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 23/9/2010 thì bà D và ông C đến Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Khoảng năm 2012 giữa bà D và ông C đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do những xô xát nhỏ trong cuộc sống hằng ngày, tính cách vợ chồng không hợp nhau. Năm 2016 bà D đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Ba Lan. Từ khi bà D đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống xa nhau thì mâu thuẫn vợ chồng lại càng thêm sâu sắc, trầm trọng hơn, vợ chồng không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà D xin ly hôn ông C, ông C cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà D và ông C được ly hôn.

[4]. Về con chung: Bà D ông C có ba con chung là Trần Thúy D, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1983; Trần Quốc H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1986; Trần Thúy N, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1987. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, có cuộc sống riêng và tự chăm lo cho bản thân. Bà D ông C không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Bà D ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về công nợ: Bà D ông C không nợ ai cũng không cho ai vay nợ gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Triệu Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà D đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Kim D được ly hôn ông Trần Đình C.

2. Về án phí: Bà Triệu Thị Kim D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm

ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000242 ngày 13/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà D đã nộp đủ.

Bà Triệu Thị Kim D hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Ông Trần Đình C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Nhiên